

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN SAO

ĐÃ THU PHI

UBND PHƯỜNG QUYẾT THẮNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực... Quyền số... -SCT/BS

Ngày 07-04-2017



PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Hoàn



Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 24

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Đồng Nai, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3602451527, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24 tháng 1 năm 2011, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh.

Công ty có trụ sở chính và bệnh viện tại số 1048A Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Minh Thu	Chủ tịch	
Ông Huỳnh Lê Đức	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Đào	Thành viên	
Ông Sean Teak Tan	Thành viên	
Ông Nguyễn Phi Long	Thành viên	
Ông Alex Holroyd Smith	Thành viên	
Ông Nguyễn Trọng Đoàn	Thành viên	
Ông Phùng Văn Nhi	Thành viên	bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Lệ Hồng	Thành viên	từ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trọng Hùng.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Minh Thu.

Ông Nguyễn Trọng Hùng được Bà Phạm Thị Minh Thu ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Ủy quyền ngày 16 tháng 12 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60979646/18087398

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 24, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		22.524.514.013	23.474.241.771
110	I. Tiền	4	3.032.384.858	9.328.815.832
111	1. Tiền		3.032.384.858	9.328.815.832
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn	5	15.441.279.307	9.529.222.811
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		14.921.011.778	6.686.871.488
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		827.687.987	1.734.399.046
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		979.388.907	1.303.785.092
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.286.809.365)	(195.832.815)
140	III. Hàng tồn kho	6	2.660.674.370	2.962.454.375
141	1. Hàng tồn kho		2.706.618.051	3.021.281.041
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(45.943.681)	(58.826.666)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.390.175.478	1.653.748.753
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.369.146.714	1.632.719.989
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		21.028.764	21.028.764
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		252.389.166.216	266.938.082.850
220	I. Tài sản cố định		249.448.984.998	262.241.055.869
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	237.757.711.138	250.218.265.365
222	Nguyên giá		296.591.619.461	292.500.125.532
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(58.833.908.323)	(42.281.860.167)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	11.691.273.860	12.022.790.504
228	Nguyên giá		13.331.282.052	13.331.282.052
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.640.008.192)	(1.308.491.548)
260	II. Tài sản dài hạn khác		2.940.181.218	4.697.026.981
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	2.940.181.218	4.697.026.981
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		274.913.680.229	290.412.324.621

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	179.845.789.660	139.606.252.523
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	(1.929.854.619)	(794.658.264)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	177.915.935.041	138.811.594.259
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(134.401.237.116)	(108.240.136.849)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.514.697.925	30.571.457.410
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		16.343.532	24.925.235
22	7. Chi phí tài chính		(12.657.873.596)	(15.885.109.659)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(12.657.873.596)	(15.885.109.659)
25	8. Chi phí bán hàng	18	(4.588.911.110)	(3.776.717.730)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(19.032.277.434)	(16.446.012.707)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		7.251.979.317	(5.511.457.451)
31	11. Thu nhập khác	20	5.167.616.171	4.153.384.796
32	12. Chi phí khác	20	(346.100.545)	(570.237.483)
40	13. Lợi nhuận khác	20	4.821.515.626	3.583.147.313
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		12.073.494.943	(1.928.310.138)
51	15. Thuế TNDN hiện hành	21.1	-	-
60	16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		12.073.494.943	(1.928.310.138)

Vũ Thị Kim Liên
Người lập

Trần Quốc Thịnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Hùng
Tổng Giám đốc



Ngày 24 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Đồng Nai, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3602451527, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu vào ngày 24 tháng 1 năm 2011, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh.

Công ty có trụ sở chính và bệnh viện tại số 1048A Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 446 người (31 tháng 12 năm 2015: 345 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 47 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	47 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.11 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	14.921.011.778	6.686.871.488
Trong đó:		
Phải thu từ bên khác	14.791.463.278	6.607.569.628
Bảo hiểm Xã hội Đồng Nai	9.149.306.159	1.124.177.020
Công ty Bảo hiểm Dầu khí – Chi nhánh Hà Nội	871.560.221	1.030.142.871
Khác	4.770.596.898	4.453.249.737
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 22)	129.548.500	79.301.860
Trà trước cho người bán ngắn hạn	827.687.987	1.734.399.046
Trong đó:		
Công ty TNHH Trang Thiết bị - Dụng cụ		
Y khoa Tân Mai Thành	126.000.000	-
Công ty CP Quản lý Đầu tư Nhật Minh	103.706.319	-
Khác	597.981.668	1.734.399.046
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	979.388.907	1.303.785.092
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.286.809.365)	(195.832.815)
GIÁ TRỊ THUẦN	15.441.279.307	9.529.222.811

5. HÀNG TỒN KHO

6.

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vật tư y tế	2.598.445.372	(45.943.681)	2.891.487.530	(58.826.666)
Hàng hóa	108.172.679	-	129.793.511	-
TỔNG CỘNG	2.706.618.051	(45.943.681)	3.021.281.041	(58.826.666)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	58.826.666	98.539.091
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	18.984.276	40.893.657
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(31.867.261)	(80.606.082)
Số cuối năm	45.943.681	58.826.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối năm	13.231.282.052	100.000.000	13.331.282.052
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	1.266.824.878	41.666.670	1.308.491.548
Hao mòn trong năm	281.516.640	50.000.004	331.516.644
Số cuối năm	1.548.341.518	91.666.674	1.640.008.192
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	11.964.457.174	58.333.330	12.022.790.504
Số cuối năm	11.682.940.534	8.333.326	11.691.273.860
Trong đó:			
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 14)	11.682.940.532	-	11.682.940.532

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.369.146.714	1.632.719.989
Công cụ và dụng cụ	814.423.153	1.382.176.495
Chi phí bảo hiểm	328.266.894	250.543.494
Chi phí đồng phục	226.456.667	-
Dài hạn	2.940.181.218	4.697.026.981
Công cụ và dụng cụ	2.482.153.157	4.697.026.981
Nâng cấp văn phòng	458.028.061	-
TỔNG CỘNG	4.309.327.932	6.329.746.970

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho bên khác	16.886.306.971	19.431.563.763
Công ty TNHH Thiết bị Y tế Thành Công	1.744.280.000	138.820.000
Khác	15.142.026.971	19.292.743.763
Phải trả cho các bên liên quan	248.648.736	136.729.396
(Thuyết minh số 22)		
TỔNG CỘNG	17.134.955.707	19.568.293.159

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định ("VCB Tân Định")	133.427.968.125	71.627.124.356	(82.026.343.909)	123.028.748.572
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ("VCB Đồng Nai")	32.251.518.648	-	(16.112.000.000)	16.139.518.648
TỔNG CỘNG	165.679.486.773	71.627.124.356	(98.138.343.909)	139.168.267.220
Trong đó:				
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)	43.044.169.365			48.993.129.812
Vay dài hạn (Thuyết minh số 14.2)	122.635.317.408			90.175.137.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
Năm trước:				
Số đầu năm	120.500.000.000	4.750.000.000	(41.890.780.654)	83.359.219.346
Tăng vốn	1.500.000.000	14.250.000.000	-	15.750.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	(1.928.310.138)	(1.928.310.138)
Số cuối năm	<u>122.000.000.000</u>	<u>19.000.000.000</u>	<u>(43.819.090.792)</u>	<u>97.180.909.208</u>
Năm nay:				
Số đầu năm	122.000.000.000	19.000.000.000	(43.819.090.792)	97.180.909.208
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	12.073.494.943	12.073.494.943
Số cuối năm	<u>122.000.000.000</u>	<u>19.000.000.000</u>	<u>(31.745.595.849)</u>	<u>109.254.404.151</u>

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị VND'000	Cổ phần	% sở hữu	Giá trị VND'000	Cổ phần	% sở hữu
Công ty Cổ phần Y khoa Hoàn Mỹ Ông Nguyễn Trọng Hùng Ông Nguyễn Trọng Đoàn Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai Các cổ đông khác	86.000.000 18.000.000 7.200.000 5.400.000 5.400.000	8.600.000 1.800.000 720.000 540.000 540.000	70.49 14.75 5.90 4.43 4.43	86.000.000 18.000.000 7.200.000 5.400.000 5.400.000	8.600.000 1.800.000 720.000 540.000 540.000	70.49 14.75 5.90 4.43 4.43
TỔNG CỘNG	<u>122.000.000</u>	<u>12.200.000</u>	<u>100</u>	<u>122.000.000</u>	<u>12.200.000</u>	<u>100</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2015: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vật tư y tế và hàng hóa	61.513.180.318	49.313.355.804
Chi phí nhân viên	58.526.668.936	47.203.324.746
Khấu hao và hao mòn		
(Thuyết minh số 7 và 8)	16.883.564.800	16.030.477.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.494.419.696	12.282.356.669
Khác	4.604.591.910	3.633.352.569
TỔNG CỘNG	158.022.425.660	128.462.867.286

20. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	5.167.616.171	4.153.384.796
Thu nhập từ hoạt động cho thuê	4.224.275.419	3.273.407.347
Thu nhập từ nhận tài trợ	338.300.000	443.752.020
Khác	605.040.752	436.225.429
Chi phí khác	(346.100.545)	(570.237.483)
Phí tài trợ bệnh nhân	(150.000.000)	-
Khác	(196.100.545)	(570.237.483)
LỢI NHUẬN KHÁC	4.821.515.626	3.583.147.313

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất bằng 10% thu nhập chịu thuế phát sinh từ hoạt động chính và với mức thuế suất phổ thông hiện hành tương ứng trên thu nhập chịu thuế phát sinh từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả đối với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm, không có lãi suất và dự kiến sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Y khoa Hoàn Mỹ	Công ty mẹ	Góp vốn	-	15.750.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ	236.825.000	1.402.795.000
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn	Bên liên quan	Mua hàng hóa Nhận dịch vụ	271.705.997	-
			-	464.926.143

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được thể hiện như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	107.648.500	59.301.860
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ	21.900.000	20.000.000
			129.548.500	79.301.860
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Đà Nẵng	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	143.007.150	-
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc tế Vinh	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	105.641.586	-
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	-	136.729.396
			248.648.736	136.729.396
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn	Công ty mẹ	Phải trả khác	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Cơ sở Hạ Tầng Phú Thọ	Bên liên quan	Lãi vay và phải trả khác	11.486.082	493.118.026
			211.486.082	693.118.026

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐÃ THU PHÍ

UBND PHƯỜNG QUYẾT THẮNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực...32...Quyển số...1...-SCT/BS

Ngày.....15-12-2016



KHO CHU TỊCH

Lê Ngọc Hoàn

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Đồng Nai, được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3602451527, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24 tháng 1 năm 2011, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh.

Công ty có trụ sở chính tại số 1048A Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Minh Thu	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2015
Ông Lê Quốc Sử	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Lệ Hồng	Thành viên	
Ông Huỳnh Lê Đức	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Đào	Thành viên	
Ông Nguyễn Trọng Đoàn	Thành viên	
Ông Alex Holroyd Smith	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2015
Ông Sean Teak Tan	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Phi Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	từ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2015
Ông Harindra Kumar	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trọng Hùng.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Minh Thu	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2015
Ông Lê Quốc Sử	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2015

Ông Nguyễn Trọng Hùng được Bà Phạm Thị Minh Thu ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Giấy Ủy quyền ngày 16 tháng 12 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60979646/18087398

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

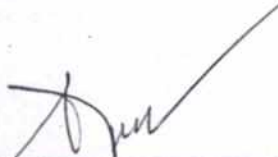
VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.474.241.771	22.322.104.402
110	I. Tiền	4	9.328.815.832	4.510.962.924
111	1. Tiền		9.328.815.832	4.510.962.924
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.529.222.811	10.967.303.196
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	6.686.871.488	9.624.752.594
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.734.399.046	794.991.350
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.303.785.092	547.559.252
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(195.832.815)	-
140	III. Hàng tồn kho	7	2.962.454.375	6.048.104.399
141	1. Hàng tồn kho		3.021.281.041	6.146.643.490
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(58.826.666)	(98.539.091)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.653.748.753	795.733.883
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.632.719.989	774.705.119
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22.1	21.028.764	21.028.764
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		266.938.082.850	282.731.667.493
220	I. Tài sản cố định		262.241.055.869	274.688.223.646
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	250.218.265.365	262.342.249.832
222	Nguyên giá		292.500.125.532	288.954.215.811
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(42.281.860.167)	(26.611.965.979)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	12.022.790.504	12.345.973.814
228	Nguyên giá		13.331.282.052	13.331.282.052
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.308.491.548)	(985.308.238)
260	II. Tài sản dài hạn khác		4.697.026.981	8.043.443.847
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.697.026.981	8.043.443.847
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		290.412.324.621	305.053.771.895

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	139.606.252.523	130.097.062.329
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	(794.658.264)	(105.219.627)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	138.811.594.259	129.991.842.702
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18, 20	(108.240.136.849)	(105.607.087.365)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.571.457.410	24.384.755.337
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		24.925.235	35.295.748
22	7. Chi phí tài chính		(15.885.109.659)	(20.571.640.380)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(15.885.109.659)	(20.571.640.380)
25	8. Chi phí bán hàng	19, 20	(3.776.717.730)	(2.856.444.887)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19, 20	(16.446.012.707)	(13.421.373.903)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.511.457.451)	(12.429.408.085)
31	11. Thu nhập khác	21	4.153.384.796	2.148.807.520
32	12. Chi phí khác	21	(570.237.483)	(590.643.423)
40	13. Lợi nhuận khác	21	3.583.147.313	1.558.164.097
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(1.928.310.138)	(10.871.243.988)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	-	-
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(1.928.310.138)	(10.871.243.988)


Trần Quốc Thịnh
Người lập


Huỳnh Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng


Nguyễn Trọng Hùng
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Đồng Nai, được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3602451527, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu vào ngày 24 tháng 1 năm 2011, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh.

Công ty có trụ sở chính tại số 1048A Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 345 người (31 tháng 12 năm 2014: 319 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Như được trình bày trong báo cáo tài chính, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.928.310.138 VND và cũng tại ngày này, gánh chịu khoản lỗ lũy kế là 43.819.090.792 VND. Ngoài ra, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 47.121.856.234 VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty nếu không nhận được sự hỗ trợ liên tục về mặt tài chính từ chủ sở hữu. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Y Khoa Hoàn Mỹ, công ty mẹ của Công ty, đã cam kết có đủ khả năng và sẽ tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính để Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, bao gồm hàng hóa và vật tư y tế, với giá trị được xác định theo chi phí mua thực tế theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và vật tư y tế thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên Điều 4 của GCNĐKKD quy định giá trị quyền sử dụng đất là phần vốn góp của cổ đông của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vật tư y tế	2.891.487.530	3.506.886.654
Hàng hóa	129.793.511	2.639.756.836
TỔNG CỘNG	3.021.281.041	6.146.643.490
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(58.826.666)	(98.539.091)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.962.454.375	6.048.104.399

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	98.539.091	-
Dự phòng trích lập trong năm	40.893.657	98.539.091
Sử dụng dự phòng trong năm	(80.606.082)	-
Số cuối năm	58.826.666	98.539.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối năm	13.231.282.052	100.000.000	13.331.282.052
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	985.308.238	-	985.308.238
Hao mòn trong năm	281.516.640	41.666.670	323.183.310
Số cuối năm	1.266.824.878	41.666.670	1.308.491.548
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	12.245.973.814	100.000.000	12.345.973.814
Số cuối năm	11.964.457.174	58.333.330	12.022.790.504
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp</i>			
<i>(Thuyết minh số 15)</i>	11.964.457.174	-	11.964.457.174

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.632.719.989	774.705.119
Công cụ và dụng cụ	1.382.176.495	639.035.521
Chi phí bảo hiểm	250.543.494	135.669.598
Dài hạn	4.697.026.981	8.043.443.847
Công cụ và dụng cụ	4.697.026.981	8.043.443.847
TỔNG CỘNG	6.329.746.970	8.818.148.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 23)	693.118.026	245.027.750
Phải trả bên khác	393.438.469	143.462.364
TỔNG CỘNG	1.086.556.495	388.490.114

15. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	43.044.169.365	42.565.351.744
Từ ngân hàng (Thuyết minh số 15.1)	13.313.769.365	13.425.351.744
Từ bên liên quan (Thuyết minh số 23)	-	2.500.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 15.2)	29.730.400.000	8.064.000.000
Vay dài hạn từ đối tượng khác	-	18.576.000.000
Vay dài hạn	122.635.317.408	143.675.518.648
Từ ngân hàng (Thuyết minh số 15.2)	122.635.317.408	32.251.518.648
Từ đối tượng khác	-	111.424.000.000
TỔNG CỘNG	165.679.486.773	186.240.870.392

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	42.565.351.744	143.675.518.648
Tiền thu từ đi vay	27.188.309.585	130.947.398.760
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	29.730.400.000	(29.730.400.000)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(56.439.891.964)	(122.257.200.000)
Số cuối năm	43.044.169.365	122.635.317.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Năm trước:				
Số đầu năm	120.000.000.000	-	(31.019.536.666)	88.980.463.334
Tăng vốn	500.000.000	4.750.000.000	-	5.250.000.000
Lỗi thuần trong năm	-	-	(10.871.243.988)	(10.871.243.988)
Số cuối năm	<u>120.500.000.000</u>	<u>4.750.000.000</u>	<u>(41.890.780.654)</u>	<u>83.359.219.346</u>
Năm nay:				
Số đầu năm	120.500.000.000	4.750.000.000	(41.890.780.654)	83.359.219.346
Tăng vốn (*)	1.500.000.000	14.250.000.000	-	15.750.000.000
Lỗi thuần trong năm	-	-	(1.928.310.138)	(1.928.310.138)
Số cuối năm	<u>122.000.000.000</u>	<u>19.000.000.000</u>	<u>(43.819.090.792)</u>	<u>97.180.909.208</u>

(*) Trong năm, Công ty đã phát hành mới 150.000 cổ phiếu thường cho cổ đông lớn, Công ty Cổ phần Y khoa Hoàn Mỹ, theo hợp đồng đăng ký mua cổ phần ngày 15 tháng 4 năm 2014 và Phụ lục ngày 29 tháng 10 năm 2014.

Việc phát hành đã được hoàn thành vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 với tổng số cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông lớn là 150.000 cổ phiếu với mức giá phát hành là 105.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 120.500.000.000 VND lên 122.000.000.000 VND. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất thủ tục để nhận GCNĐKKD điều chỉnh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị VND'000	Cổ phần	% sở hữu	Giá trị VND'000	Cổ phần	% sở hữu
Công ty Cổ phần Y khoa Hoàn Mỹ	86.000.000	8.600.000	70.49	84.500.000	8.450.000	70.12
Ông Nguyễn Trọng Hùng	18.000.000	1.800.000	14.75	18.000.000	1.800.000	14.94
Ông Nguyễn Trọng Đoàn	7.200.000	720.000	5.90	7.200.000	720.000	5.98
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	5.400.000	540.000	4.43	5.400.000	540.000	4.48
Các cổ đông khác	5.400.000	540.000	4.43	5.400.000	540.000	4.48
TỔNG CỘNG	<u>122.000.000</u>	<u>12.200.000</u>	<u>100</u>	<u>120.500.000</u>	<u>12.050.000</u>	<u>100</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2014: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vật tư y tế và hàng hóa	49.313.355.804	48.199.718.016
Chi phí nhân công	47.203.324.746	39.804.522.767
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 8 và 9)	16.030.477.498	15.807.870.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.282.356.669	8.704.387.973
Chi phí khác	3.633.352.569	9.368.406.468
TỔNG CỘNG	128.462.867.286	121.884.906.155

21. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	4.153.384.796	2.148.807.520
Thu nhập từ hoạt động cho thuê	3.273.407.347	743.804.402
Thu nhập từ nhận tài trợ	443.752.020	670.780.208
Khác	436.225.429	734.222.910
Chi phí khác	(570.237.483)	(590.643.423)
Chi phí của hoạt động cho thuê	(213.564.019)	(555.594.454)
Khác	(356.673.464)	(35.048.969)
LỢI NHUẬN KHÁC	3.583.147.313	1.558.164.097

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất bằng 10% thu nhập chịu thuế phát sinh từ hoạt động chính và với mức thuế suất phổ thông hiện hành tương ứng trên thu nhập chịu thuế phát sinh từ các hoạt động khác.

Do Công ty bị lỗi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 nên Công ty không trích lập thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tập đoàn Y khoa Hoàn Mỹ	Công ty mẹ	Góp vốn	15.750.000.000	5.250.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ	1.402.795.000	1.324.840.000
		Nhận nợ vay	-	12.000.000.000
		Trả nợ vay	-	12.000.000.000
		Lãi vay	-	1.079.999.998
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn	Bên liên quan	Nhận dịch vụ	464.926.143	-
		Nhận nợ vay	-	10.000.000.000
		Trả nợ vay	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Đà Nẵng	Bên liên quan	Mua tài sản cố định	60.000.000	-
Ông Nguyễn Trọng Hùng	Tổng Giám đốc	Nhận nợ vay	-	2.000.000.000
		Trả nợ vay	-	2.000.000.000
		Lãi vay	-	151.916.675
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Cơ sở Hạ Tầng Phú Thọ	Bên liên quan	Chi hộ	-	292.395.833
		Lãi vay	71.875.000	351.911.391

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

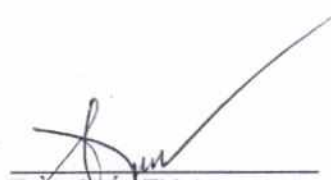
24. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính năm nay. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của phân loại lại	Số đầu năm (được trình bày lại)
			VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Phải thu ngắn hạn khác	300.066.871	247.492.381	547.559.252
Tài sản ngắn hạn khác	247.492.381	(247.492.381)	-

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.


Trần Quốc Thịnh
Người lập


Huỳnh Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng


Nguyễn Trọng Hùng
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 3 năm 2016